A large, circular image of the Earth as seen from space, showing the Western Pacific region, including Southeast Asia and the Indian Ocean. The image is centered on the page.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**

Tháng 08 năm 2018

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 23

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ

Tầng 9, tòa nhà Trung Tín, số 108 Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư KSQ trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư KSQ là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101971512 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 20 tháng 07 năm 2017.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: KSQ INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt là: KSQ INVESTMENT

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 9, tòa nhà Trung Tín, số 108 Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư KSQ là 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Vương Văn Ba	Chủ tịch HĐQT
Ông Dương Văn Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Dũng	Thành viên
Ông Lê Huy Tuấn	Thành viên
Ông Trần Long Hưng	Thành viên

##### Ban kiểm soát

Bà Vũ Thị Thu Hà	Trưởng Ban	Miễn nhiệm ngày 27/04/2018
Bà Lê Thị Hòe	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 27/04/2018
Bà Hoàng Thị Thoa	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Thành viên	

##### Ban giám đốc

Bà Nguyễn Thị Phương Chi	Giám đốc
--------------------------	----------

##### Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Hoa

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ

Tầng 9, tòa nhà Trung Tín, số 108 Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty trong kỳ cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2018 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu, kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Đại diện pháp luật của Công ty,



**Vương Văn Ba**  
**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**  
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2018

Số: 647/2018/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT**  
**THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018  
của Công ty Cổ phần Đầu tư KSQ

Kính gửi:           **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
                          **Công ty Cổ phần Đầu tư KSQ**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư KSQ, được lập ngày 15 tháng 08 năm 2018, từ trang 06 đến trang 23, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở của kết luận ngoại trừ**

Số dư tiền mặt của Công ty tại thời điểm 30/06/2018 là 2.267.069.478 đồng. Chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê đối với khoản tiền mặt nói trên. Các thủ tục kiểm toán thay thế do Chúng tôi thực hiện chưa giúp Chúng tôi thu thập được đầy đủ các bằng chứng cần thiết để chứng minh cho tính hiện hữu của khoản tiền mặt này.

Giá trị Hàng tồn kho tại thời điểm 30/06/2018 là 24.953.545.115 đồng (Chủ yếu là sắt thép xây dựng). Theo những thông tin Chúng tôi thu thập được, số hàng trên của đơn vị đang được gửi tại kho của các nhà cung cấp. Chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê đối với toàn bộ số Hàng tồn kho nói trên. Các thủ tục kiểm toán thay thế do Chúng tôi thực hiện chưa giúp Chúng tôi có đủ cơ sở để khẳng định tính hiện hữu của số Hàng tồn kho này.

Tại thời điểm 30/06/2018 khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là 115.200.000.000 đồng, giá trị dự phòng tổn thất đầu tư tài chính là 3.760.942.228 đồng được xác định trên cơ sở các Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của các công ty nhận đầu tư. Do đó, chúng tôi chưa đủ cơ sở để đánh giá sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Tại ngày 30/06/2018, Số dư khoản phải thu khác của Công ty là 45.000.000.000 đồng. Trong đó có khoản nợ lãi phải thu 5.000.000.000 đồng của Công ty TNHH Phát triển Giáo dục Nam Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2014/HĐHTĐT-KSQ.NHN ngày 04/08/2014 và Biên bản làm việc đã ký giữa hai bên đã quá hạn từ ngày 30/06/2017. Theo quy định, khoản nợ đã quá hạn 1 năm phải tiến hành trích lập dự phòng với tỷ lệ 50% tương ứng với 2.500.000.000 đồng. Nếu khoản dự phòng này được trích lập sẽ làm cho lợi nhuận trước thuế của Công ty giảm đi một khoản tương ứng. Tuy nhiên, Ban giám đốc Công ty đã xem xét và đánh giá rằng khoản nợ này không có rủi ro, sẽ thu hồi được trong năm nay, do đó Công ty không thực hiện trích lập dự phòng.

**Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

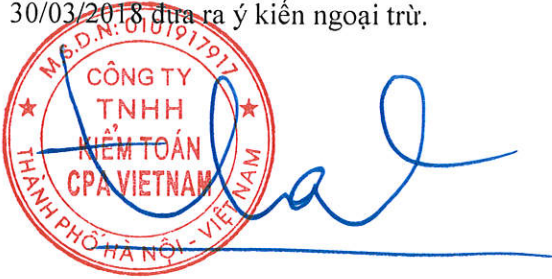
**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã trình bày tại thuyết minh số 5.09, công ty tham gia góp vốn với Công ty TNHH ĐTXD Việt Phát theo Hợp đồng góp vốn số 03/2014/HĐGV-KSQ.VP ngày 22/08/2014 về việc đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất nhựa lõi thép, số tiền là 40.000.000.000 đồng, thời gian thực hiện hợp đồng là 5 năm kể từ ngày ký, thời gian phân phối lợi nhuận sau khi dự án đi vào hoạt động không quá 3 năm. Tuy nhiên, tại thời điểm phát hành báo cáo soát xét này, dự án mới chỉ dừng lại ở mức xây dựng xong phần Nhà xưởng. Theo thông tin của Ban giám đốc công ty, Công ty đã và đang tiến hành kết hợp, xúc tiến tìm kiếm đối tác, để đưa dự án này đi vào hoạt động trong thời gian tới. Do vậy, hiệu quả của dự án này phụ thuộc hoàn toàn vào việc tìm kiếm được đối tác trong thời gian tới của Ban giám đốc công ty và phía đối tác là Công ty TNHH ĐTXD Việt Phát.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 5.03, khoản trả trước cho người bán của Công ty tại ngày 30/06/2018 là 120.500.085.491 đồng. Đây là khoản tiền Công ty ứng trước bằng tiền mặt cho các đối tác để thực hiện các Hợp đồng mua bán thiết bị y tế, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo hợp đồng ký kết, thời gian giao hàng là 60 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng và hiệu lực tối đa không quá 12 tháng. Tuy nhiên, tại thời điểm phát hành báo cáo soát xét này, các hợp đồng vẫn chưa được thực hiện, Công ty cũng chưa thu lại số tiền đã trả trước cho nhà các cung cấp này.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA), số báo cáo 378/BCKT/TC/NV8 ngày 30/03/2018 đưa ra ý kiến ngoại trừ.



---

**Phan Huy Thắng**

**Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận Đăng ký

Hành nghề Kiểm toán số: 0147-2018-137-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

*Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2018*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>202.081.268.996</b>	<b>202.799.104.909</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.01</b>	<b>2.267.069.478</b>	<b>2.925.394.086</b>
1. Tiền	111		2.267.069.478	2.925.394.086
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>174.851.165.708</b>	<b>174.884.165.708</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	11.338.189.665	11.338.189.665
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	120.500.085.491	120.533.085.491
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.09	45.000.000.000	45.000.000.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.08	(1.987.109.448)	(1.987.109.448)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>24.953.545.115</b>	<b>24.953.545.115</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.04	24.953.545.115	24.953.545.115
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.488.695</b>	<b>36.000.000</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	36.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.488.695	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>111.439.057.772</b>	<b>111.439.057.772</b>
<b>I. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.10</b>	<b>111.439.057.772</b>	<b>111.439.057.772</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		37.500.000.000	37.500.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		77.700.000.000	77.700.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.760.942.228)	(3.760.942.228)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>313.520.326.768</b>	<b>314.238.162.681</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4.933.034.043</b>	<b>5.139.998.686</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.933.034.043</b>	<b>5.139.998.686</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		172.363.609	172.363.609
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.05	1.373.605.325	1.503.605.325
4. Phải trả người lao động	314		43.378.792	51.177.319
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.06	1.626.039.182	1.626.039.182
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.07	9.122.086	78.288.202
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	1.292.250.000	1.292.250.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		416.275.049	416.275.049
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>308.587.292.725</b>	<b>309.098.163.995</b>
<b>II. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.12</b>	<b>308.587.292.725</b>	<b>309.098.163.995</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411b		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(148.500.000)	(148.500.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.248.825.147	1.248.825.147
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.486.967.578	7.997.838.848
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		13.239.378.405	13.239.378.405
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(5.752.410.827)	(5.241.539.557)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>313.520.326.768</b>	<b>314.238.162.681</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Vũ Thanh Hiền

Nguyễn Thị Hoa

Vương Văn Ba

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết	Cho kỳ kế toán
			thúc ngày 30/06/2018	kết thúc ngày 30/06/2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	-	2.797.896.342
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		-	2.797.896.342
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	-	3.133.183.110
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		-	(335.286.768)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	5.989	171.878
7. Chi phí tài chính	22		-	191.575.634
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	15.588.672
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.04	502.550.817	(710.929.118)
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(502.544.828)</b>	168.649.922
11. Thu nhập khác	31		-	6
12. Chi phí khác	32		8.239.170	6.866
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>6.05</b>	<b>(8.239.170)</b>	(6.860)
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(510.783.998)</b>	168.643.062
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	33.728.612
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(510.783.998)</b>	134.914.450
18. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	70	6.06	(17)	4,5

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Vũ Thanh Hiền

Nguyễn Thị Hoa

Vương Văn Ba

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	-	41.164.535.084
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(91.000.000)	(41.680.151.593)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(298.280.453)	(881.614.940)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	-	19.720.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(269.050.144)	(597.131.549)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(658.330.597)</b>	<b>(1.974.642.998)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	4.278.260.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.989	171.878
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>5.989</b>	<b>4.278.431.878</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(658.324.608)</b>	<b>2.303.788.880</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>2.925.394.086</b>	<b>1.656.666.865</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>2.267.069.478</b>	<b>3.960.455.745</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2018

Người lập



Vũ Thanh Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa

Chủ tịch HĐQT



Vương Văn Ba

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư KSQ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101971512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 20 tháng 07 năm 2017.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: KSQ INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt là: KSQ INVRESTMEN

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 9, tòa nhà Trung Tín, số 108 Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư KSQ là 300.000.000.000 đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Xây dựng và thương mại

**Ngành nghề kinh doanh:**

- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Lắp đặt máy móc thiết bị và công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tổng hợp;
- Khai thác khí đốt tự nhiên;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng sắt kim loại không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, bán buôn đồ ngũ kim, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác: Bán buôn thiết bị nhiệt, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị cấp nước, thiết bị phụ tùng ô tô, xe máy, máy dân dụng và máy móc các loại, thiết bị văn phòng, đồ mộc dân dụng, mộc mỹ nghệ, trang thiết bị y tế, thiết bị phòng cháy, thiết bị dạy nghề và thiết bị nghiên cứu dạy học; bán buôn thiết bị, máy móc công nghiệp; điện tử viễn thông, vi tính – tin học; mua bán thiết bị trường học; mua bán các trang thiết bị phòng thí nghiệm, hóa học, sinh học, vật lý; mua bán thang máy; mua bán hệ thống tủ điện công nghiệp, dân dụng; mua bán hệ thống âm thanh ánh sáng, truyền hình, tổng đài; mua bán hệ thống điều hòa thông gió; mua bán hệ thống bếp; giặt là công nghiệp; mua bán hệ thống Sauna, Steam; mua bán hệ thống khí y tế, khí công nghiệp; bán buôn máy móc thiết bị y tế;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty có một công ty liên kết là Công ty Cổ phần Đầu tư thiết bị Công nghiệp Hữu Nghị. Tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết là 46,88%.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

**Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả của Công ty là chi phí trích trước lãi tiền vay ngân hàng phát sinh trong kỳ chưa thực hiện chi trả.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các thành viên góp vốn.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo quyết định của Hội đồng quản trị, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi tiền gửi và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.



**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí đi vay**

Chi phí đi vay ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ trường hợp được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.242.593.112	2.901.166.194
Tiền gửi ngân hàng	24.476.366	24.227.892
<b>Cộng</b>	<b>2.267.069.478</b>	<b>2.925.394.086</b>

**5.02 Phải thu khách hàng**

	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP PIV	3.235.144.000	3.235.144.000
Công ty CP Xây dựng D&T Việt Nam	4.723.978.895	4.723.978.895
Công ty TNHH Lâm Nam	3.260.566.770	3.260.566.770
Phải thu khách hàng khác	118.500.000	118.500.000
<b>Cộng</b>	<b>11.338.189.665</b>	<b>11.338.189.665</b>

**5.03 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP TM và XD Trần Nguyên (*)	51.000.000.000	51.000.000.000
Công ty CP TM và DV vụ Kim Diệp (**)	51.000.000.000	51.000.000.000
Công ty TNHH RCE Việt Nam (***)	18.500.000.000	18.500.000.000
Trả trước cho khách hàng khác	85.491	33.085.491
<b>Cộng</b>	<b>120.500.085.491</b>	<b>120.533.085.491</b>

(\*) Ứng trước 92% tiền mua hàng bằng tiền mặt theo hợp đồng số 01-2017/TN-KSQ ngày 18/06/2017 về hoạt động mua bán trang thiết bị y tế. Tổng giá trị hợp đồng là 55.540.000.000 đồng. Thời gian giao hàng theo hợp đồng là 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Hợp đồng có hiệu lực tối đa không quá 12 tháng.

(\*\*) Ứng trước 80% tiền mua hàng bằng tiền mặt theo hợp đồng số 01-2017/HĐKT ngày 18/06/2017 về hoạt động mua bán trang thiết bị y tế. Tổng giá trị hợp đồng là 63.360.000.000 đồng. Thời gian giao hàng theo hợp đồng là 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Hợp đồng có hiệu lực tối đa không quá 12 tháng.

(\*\*\*) Ứng trước 67% tiền mua hàng bằng tiền mặt theo hợp đồng số 03-2017/RCE-KSQ ngày 20/12/2017 về hoạt động mua bán trang thiết bị y tế. Tổng giá trị hợp đồng là 27.720.000.000 đồng. Thời gian giao hàng theo hợp đồng là 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Hợp đồng có hiệu lực tối đa không quá 12 tháng.

Tại thời điểm phát hành báo cáo soát xét này, các hợp đồng vẫn chưa được thực hiện, Công ty cũng chưa thu lại số tiền đã trả trước cho nhà các cung cấp này.

## 5.04 Hàng tồn kho

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	24.953.545.115	-	24.953.545.115	-
<b>Cộng</b>	<b>24.953.545.115</b>	<b>-</b>	<b>24.953.545.115</b>	<b>-</b>

(\*) Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là sắt thép xây dựng đang được gửi tại kho của các nhà cung cấp.

## 5.05 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	30/06/2018 VND
<b>Phải nộp</b>	<b>1.503.605.325</b>	<b>-</b>	<b>130.000.000</b>	<b>1.373.605.325</b>
Thuế giá trị gia tăng	1.325.310.687	-	130.000.000	1.195.310.687
Thuế TNDN	92.204.638	-	-	92.204.638
Thuế thu nhập cá nhân	86.090.000	-	-	86.090.000

## 5.06 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Lãi vay phải trả	994.758.357	994.758.357
Chi phí phải trả khác	631.280.825	631.280.825
<b>Cộng</b>	<b>1.626.039.182</b>	<b>1.626.039.182</b>

## 5.07 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Bảo hiểm xã hội	1.643.931	59.313.933
Bảo hiểm y tế	213.230	8.362.944
Bảo hiểm thất nghiệp	403.653	3.750.053
Phải trả, phải nộp khác	6.861.272	6.861.272
<b>Cộng</b>	<b>9.122.086</b>	<b>78.288.202</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kể từ ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**5.08 Nợ xấu**

	30/06/2018(VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Công ty CP Xây dựng D&T Việt Nam	4.723.978.895	1.987.109.448	4.723.978.895	1.987.109.448
<b>Cộng</b>	<b>4.723.978.895</b>	<b>1.987.109.448</b>	<b>4.723.978.895</b>	<b>1.987.109.448</b>
		Giá trị sau dự phòng		Giá trị sau dự phòng
		2.736.869.447		2.736.869.447

**5.09 Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2018(VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Công ty TNHH Xây dựng Việt Phát (*)	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-
Công ty TNHH Phát triển Giáo dục Nam Hà Nội (**)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Hợp tác đầu tư theo hợp đồng góp vốn số 03/2014/HĐGV-KSQ.VP ngày 22/08/2014 về việc đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất của lõi thép số tiền là 40.000.000.000 đồng, thời gian thực hiện hợp đồng là 5 năm kể từ ngày ký, thời gian phân phối lợi nhuận sau khi dự án đi vào hoạt động không quá 3 năm. Tuy nhiên, tại thời điểm phát hành báo cáo soát xét này, dự án mới chỉ dừng lại ở mức xây dựng xong phần Nhà xưởng. Theo thông tin của Ban giám đốc công ty, Công ty đã và đang tiến hành kết hợp, xúc tiến tìm kiếm đối tác, để đưa dự án này đi vào hoạt động trong thời gian tới. Do vậy, hiệu quả của dự án này phụ thuộc hoàn toàn vào việc tìm kiếm được đối tác trong thời gian tới của Ban giám đốc công ty và phía đối tác là Công ty TNHH ĐTXD Việt Phát.

(\*\*) Khoản lãi phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2014/HĐHTĐT-KSQ.NHN ngày 04/08/2014 về việc hợp tác đầu tư xây dựng Trường mầm non tại Hà Nội. Thời hạn trả nợ theo biên bản ký lần đầu là 30/06/2017.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ**  
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kể từ ngày 30/06/2018  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi số
<b>Đầu tư và công ty liên kết</b>	<b>37.500.000.000</b>	<b>1.975.939.890</b>	<b>35.524.060.110</b>	<b>1.975.939.890</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư thiết bị Công nghiệp Hữu Nghị	37.500.000.000	1.975.939.890	35.524.060.110	1.975.939.890
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>77.700.000.000</b>	<b>1.785.002.338</b>	<b>75.914.997.662</b>	<b>1.785.002.338</b>
Công ty Cổ phần VIALIFE	17.700.000.000	1.266.708.680	16.433.291.320	1.266.708.680
Công ty Cổ phần Công nghiệp Quốc tế Bích San	60.000.000.000	518.293.658	59.481.706.342	518.293.658
<b>Cộng</b>	<b>115.200.000.000</b>	<b>3.760.942.228</b>	<b>111.439.057.772</b>	<b>3.760.942.228</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản đầu tư tại ngày 30/06/2018**

	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng Cổ phần
Công ty Cổ phần Đầu tư thiết bị Công nghiệp Hữu Nghị	46,88%	46,88%	1.500.000
Công ty Cổ phần VIALIFE	19,67%	19,67%	590.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Quốc tế Bích San	19,61%	19,61%	2.000.000

Ghi chú: Số dư tại ngày 01/01/2018 trên Báo cáo tài chính của các Công ty có vốn đầu tư của Công ty Cổ phần KSQ là Báo cáo chưa được kiểm toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kể từ ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**5.11 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	01/01/2018 (VND)		Số trong năm (VND)		30/06/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	1.292.250.000	1.292.250.000	-	-	1.292.250.000	1.292.250.000
<b>Cộng</b>	<b>1.292.250.000</b>	<b>1.292.250.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.292.250.000</b>	<b>1.292.250.000</b>

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình

*Ghi chú: Hợp đồng tín dụng số 317.13.833.938942 ngày 07/06/2013 giữa Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Mỹ Đình và Công ty đã quá hạn. Công ty và Ngân hàng đang làm việc để giải quyết khoản nợ này.*

**5.12 Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn CP	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	Chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP			Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng	
Số dư 01/01/2017	300.000.000.000	(148.500.000)		1.248.825.147	13.239.378.405		314.339.703.552
Tăng trong năm	-	-	-	-	(5.241.539.557)		(5.241.539.557)
Lãi trong năm	-	-	-	-	(5.241.539.557)		(5.241.539.557)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-		-
Số dư tại 31/12/2017	300.000.000.000	(148.500.000)		1.248.825.147	7.997.838.848		309.098.163.995
Số dư tại 01/01/2018	300.000.000.000	(148.500.000)		1.248.825.147	7.997.838.848		309.098.163.995
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	(510.871.270)		(510.871.270)
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	(510.871.270)		(510.871.270)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-		-
Số dư tại 30/06/2018	300.000.000.000	(148.500.000)		1.248.825.147	7.486.967.578		308.587.292.725

Đơn vị: VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ( TIẾP THEO)****Mẫu B 09a-DN****b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu**

	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn góp của các cổ đông	300.000.000.000	300.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>300.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về Vốn chủ sở hữu**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300.000.000.000	300.000.000.000
Vốn góp tại đầu kỳ	300.000.000.000	300.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	300.000.000.000	300.000.000.000

**d. Cổ phiếu**

	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ**

Bảo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ( TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****6.01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	2.797.896.342
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>2.797.896.342</b>

**6.02 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Giá vốn dịch vụ cung cấp	-	3.133.183.110
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.133.183.110</b>

**6.03 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Lãi tiền gửi	5.989	171.878
<b>Cộng</b>	<b>5.989</b>	<b>171.878</b>

**6.04 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	342.962.407	849.330.440
Thuế, phí, lệ phí	3.612.700	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	155.975.710	254.139.419
Chi phí khác bằng tiền	-	164.758.402
Tăng/Giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(1.979.157.379)
<b>Cộng</b>	<b>502.550.817</b>	<b>(710.929.118)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ( TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**6.05 Lợi nhuận khác**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
<b>Thu nhập khác</b>	-	6
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	6
<b>Chi phí khác</b>	<b>8.239.170</b>	<b>6.866</b>
Chi phí khác	8.239.170	6.866
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(8.239.170)</b>	<b>(6.860)</b>

**6.06 Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Lợi nhuận sau Thuế TNDN	(510.783.998)	134.914.450
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	30.000.000	30.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(17)</b>	<b>4,5</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ( TIẾP THEO)**

**Mẫu B 09a-DN**

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.01 Giao dịch với số dư các bên liên quan**

Trong kỳ Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư với các bên liên quan.

**7.02 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

**7.03 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2018 được lấy từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA), số báo cáo 378/BCKT/TC/NV8 ngày 30 tháng 03 năm 2018 có ý kiến ngoại trừ các khoản mục hàng tồn kho, khoản phải thu khác từ lãi đầu tư và khoản đầu tư tài chính dài hạn. Các vấn đề ngoại trừ vẫn tiếp tục ảnh hưởng tới báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2018

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Chủ tịch HĐQT**



**Vũ Thanh Hiền**

**Nguyễn Thi Hoa**

**Vương Văn Ba**





MOORE STEPHENS

INTERNATIONAL LIMITED

*A member of*  *Members in principal cities throughout the world*

Moore Stephens International Limited, registered in England and Wales with registered number 221527.

A list of directors names is available at the company's registered Office and principal place of business:

150 Aldersgate Street, London EC 1A 4AB, England, U.K.

Tel: +44 (0) 20 7334 9191, Fax: +44 (0) 20 7651 1637

[www.moorestephens.com](http://www.moorestephens.com)

CPA VIETNAM was established in Hanoi, Vietnam more than a decade ago, CPA VIETNAM is a member firm of Moore Stephens International Limited (MSIL) and managed by Moore Stephens Asia Pacific Limited (MSAP).

Head office and principal place of business: 8<sup>th</sup> floor, VG office building, No 235 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam.

Tel: + 84 (24) 3 783 2121, Fax: + 84 (24) 3 783 2122

[www.cpavietnam.vn](http://www.cpavietnam.vn)